

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
Số: 517/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố H, ngày 19 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 461/2020/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1985. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khu vực 2, phường Thủy X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Số 11 kiệt 86 đường Lê Ngô C, tổ 07, khu vực 2, phường Thủy X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Lê T H, sinh năm 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 113/2 đường Lê Ngô C, tổ 10, khu vực 2, phường Thủy X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thùy D và anh Lê T H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Lê Thị Thùy D và anh Lê T H có 01 con chung tên là Lê Thị Minh T, sinh ngày 05/7/2006. Hiện nay, cháu T đang sống cùng với chị D.

Chị Lê Thị Thùy D và anh Lê T H thoả thuận: Giao cháu Lê Thị Minh T cho anh Lê T H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), chị Lê Thị Thùy D cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu T trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom

con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thùy D và anh Lê T H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Thùy D và anh Lê T H, mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chị D và anh H thỏa thuận chị D chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Lê Thị Thùy D phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm chị D phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000498 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường Thủy X, thành phố H;
- (Anh H và chị D ĐKKH số 43 quyển số 01 ngày 12/6/2006)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng